TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - hạnh phúc

Bản án số: 169/2019/DS-PT
Ngày 27 - 6 - 2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Tiến Dũng**

Các Thẩm phán: Ông **Vũ Viết Văn**

Ông **Vũ Toàn Giang**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đinh Thị Thu Hương -** Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: Ông **Nguyễn Mạnh Thắng** - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 27 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 173/2019/TLPT-DS ngày 16 tháng 5 năm 2019 về việc: Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

Do bản án dân sự sơ thẩm số 21/2018/DS-ST ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Toà án nhân dân quận C.G., thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 184/2019/QĐ-PT ngày 10 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **N.T.V.**, sinh năm 1977. (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 27/79 T.T., phường T.Q., quận Đ.Đ., Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của ô.V.: bà V.T.N., sinh 1983, địa chỉ: tổ 48, phường T.M., quận H.M., thành phố Hà Nội (Giấy ủy quyền ngày 14/6/2019 lập tại phòng công chứng số 7, thành phố Hà Nội). (vắng mặt)

Bị đơn: **A.Z**

Địa chỉ trụ sở chính: Số 107 phố N.P.S, phường D.V.H., quận C.G., Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông B.V.S.– Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Bà N.T.M.– sinh năm 1992 (theo Giấy ủy quyền số 42/2019/GUQ-AZ ngày 24/06/2019). (có mặt)

Do có kháng cáo của A.Z (là bị đơn trong vụ án).

NỘI DUNG VỤ ÁN

+ Theo đơn khởi kiện ngày 01/11/2017; các bản tự khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án; tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông N.T.V. và người đại diện theo ủy quyền trình bày: Ngày 27/01/2010, ông N.T.V. và Công ty CP bất động sản AZ ký

hợp đồng vay vốn số 297/18A2-02/02/VV10-AZ04 để hưởng lãi suất hoặc quyền mua căn hộ tại dự án đầu tư xây dựng công trình AZ V.C. Towers, thời gian vay là 9 tháng kể từ ngày ký hợp đồng vay vốn được ký kết thời hạn vay có thể được điều chỉnh nếu A.Z gửi thông báo gia hạn cho ô.V. trong vòng 10 ngày trước khi kết thúc thời hạn, việc gia hạn được hai bên thỏa thuận hoặc tính theo thời gian khắc phục những ảnh hưởng, tác động của sự kiện bất khả kháng… nhưng không kéo dài quá 06 tháng tính từ ngày kết thúc thời hạn, số tiền vay vốn theo hợp đồng là 275.000.0000 đồng; Lãi suất được ấn định là 08%/1 năm lãi suất trên là lãi suất không thay đổi được áp dụng trong suốt thời hạn vay. Sau khi ký kết hợp đồng ông N.T.V. đã cho Công ty vay đủ số tiền 275.000.000 đồng (có phiếu thu tiền mặt kèm theo).

Đến ngày 29/02/2012, ông N.T.V. và A.Z ký tiếp 01 bản Phụ lục hợp đồng về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Hợp đồng vay vốn số: 297/18A2-02/02/VV10-AZ04 ký ngày 27/01/2010. Theo đó số tiền nợ gốc mà ông N.T.V. cho A.Z vay là 302.500.000 đồng (bao gồm khoản vay gốc + lãi 8% tính trên khoản vay gốc, tính từ ngày ký kết hợp đồng vay vốn đến ngày ký kết Phụ lục Hợp đồng này); Lãi suất 14%/1 năm, lãi suất trên là lãi suất không thay đổi được áp dụng trong suốt thời hạn vay.

Quá trình thực hiện hợp đồng, do dự án chậm tiến độ, không đúng thỏa thuận của các bên nên ông N.T.V. không đồng ý nhận quyền mua căn hộ và đề nghị Công ty CP bất động sản AZ trả lại tiền gốc và lãi theo hợp đồng và phụ lục hợp đồng về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Hợp đồng vay vốn số: 297/18A2-02/02/VV10-AZ04 ký ngày 27/01/2010 là 668.590.000 đồng, trong đó: Nợ gốc: 302.500.000 đồng; nợ lãi: 275.340.000 đồng; tiền phạt: 90.750.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm ô.V. và người đại diện theo ủy quyền đề nghị A.Z phải trả: Nợ gốc: 275.000.000 đồng; nợ lãi: 192.500.000 đồng; tiền phạt: 82.500.000 đồng và Công ty phải thanh toán ngay cho ông N.T.V. toàn bộ số tiền nêu trên.

Đối với yêu cầu đề nghị Tòa án buộc bà N.T.B.T. thanh toán cho ông N.T.V. số tiền 280.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết, ông N.T.V. đã có đơn xin rút để khởi kiện bằng một vụ án khác.

+ Bị đơn A.Z do người đại diện theo ủy quyền trình bày: Ngày 27/01/2010, A.Z và ông N.T.V. xác nhận có ký hợp đồng vay vốn số 297/18A2-02/02/VV10-AZ04 để hưởng lãi suất hoặc quyền mua căn hộ tại dự án đầu tư xây dựng công trình AZ V.C. Towers. Số tiền vay vốn theo hợp đồng là 275.000.0000 đồng; Lãi suất 08%/1 năm lãi suất trên là lãi suất không thay đổi được áp dụng trong suốt thời hạn vay; Mục đích sử dụng vốn vay để đầu tư phát triển dự án xây dựng công trình AZ V.C. Towers tại lô CT1 khu đô thị V.C., H.Đ., Hà Nội. Sau khi ký kết hợp đồng, ông N.T.V. đã cho Công ty vay đủ số tiền 275.000.000 đồng (có phiếu thu tiền mặt kèm theo ngày 27/10/2010).

Đến ngày 29/02/2012, A.Z và ông N.T.V. có ký tiếp 01 bản Phụ lục hợp đồng về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Hợp đồng vay vốn số: 297/18A2-02/02/VV10-AZ04 ký ngày 27/01/2010, sửa đổi một số nội dung trong hợp đồng về lãi suất và gia hạn thêm thời hạn của hợp đồng từ ngày 28/4/2011 đến ngày 31/12/2012. Theo đó số tiền nợ gốc mà ông N.T.V. cho Công ty CP bất động sản AZ vay là 302.500.000 đồng (bao gồm khoản vay gốc + lãi 8% tính trên khoản vay gốc tính từ ngày ký kết hợp đồng vay vốn đến ngày ký kết phụ lục hợp đồng này); Lãi suất 14%/1 năm lãi suất trên là lãi suất không thay đổi được áp dụng trong suốt thời hạn vay.

Quá trình thực hiện hợp đồng, do khó khăn nên Công ty không có khả năng thực hiện dự án theo thỏa thuận của hợp đồng vay vốn và phụ lục của hợp đồng vay vốn số 297/18A2-02/02/VV10-AZ04.

Nay ông N.T.V. khởi kiện yêu cầu A.Z thanh toán toàn bộ số tiền là 668.590.000 đồng, trong đó: Nợ gốc: 302.5000.000 đồng; Nợ lãi: 275.340.000 đồng và tiền phạt: 90.750.000 đồng, A.Z chỉ trả được khoản nợ gốc theo hợp đồng vay vốn số 297/18A2-02/02/VV10-AZ04 là 275.000.000 đồng. Công ty không còn khả năng chi trả phần lãi.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 21/2018/DS-ST ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Toà án nhân dân quận C.G., thành phố Hà Nội đã xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông N.T.V. với A.Z.

2. Buộc A.Z phải thanh toán trả cho ông N.T.V. số tiền còn nợ là 550.000.000 đồng (trong đó: nợ gốc là 275.000.000 đồng; nợ lãi là 192.500.000 đồng; phạt vi phạm 82.500.000 đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm Công ty CP bất động sản AZ kháng cáo một phần nội dung bản án bản án sơ thẩm số 21/2018/DS-ST ngày 05/10/2018 của Toà án nhân dân quận C.G., thành phố Hà Nội. Nội dung của đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết những việc sau:

1. Hợp đồng vay vốn số 297/18A2-02/02/VV10-AZ04 được ký giữa A.Z và ông N.T.V. ngày 27/01/2010 là vô hiệu nên không có cơ sở để tính lãi 8%/năm với số tiền 275.000.000 (x) 8% : 360 (x) 90 tháng (từ 28/04/2011 đến 05/10/2018) = 165.000.000 đồng.

2. Hợp đồng vay vốn số 297/18A2-02/02/VV10-AZ04 được ký giữa A.Z và ông N.T.V. ngày 27/01/2010 là vô hiệu nên việc phạt hợp đồng theo nội dung của Phụ lục hợp đồng về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Hợp đồng vay vốn số 297/18A2-02/02/VV10-AZ04 được ký giữa A.Z và ông N.T.V. ngày 29/02/2012 với số tiền phạt vi phạm hợp đồng là 275.000.000 đồng x 30% = 82.500.000 đồng là không có cơ sở và tuyên vô hiệu đối với Phụ lục hợp đồng về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Hợp đồng vay vốn số 297/18A2-02/02/VV10-AZ04 được ký giữa A.Z và ông N.T.V. ngày 29/02/2012.

3. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét việc A.Z chỉ trả số tiền đã vay vốn theo Hợp đồng vay vốn số 297/18A2-02/02/VV10-AZ04 được ký giữa A.Z và ông N.T.V. ngày 27/01/2010 với số tiền là 275.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi lăm triệu đồng Việt Nam).

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vắng mặt, bị đơn xác định Hợp đồng vay vốn số 297/18A2-02/02/VV10-AZ04 được ký giữa A.Z và ông N.T.V. ngày 27/01/2010 là có hiệu lực và chấp nhận trả lãi theo quy định của hợp đồng, thời gian trả lãi kể từ khi ký kết hợp đồng ngày 27/01/2010 đến 27/10/2010 là 9 tháng. Về Phụ lục hợp đồng về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Hợp đồng vay vốn số 297/18A2-02/02/VV10-AZ04 ngày 27/01/2010 được ký giữa A.Z và ông N.T.V. ngày 29/02/2012 là vô hiệu do các bên gia hạn sau gần 02 năm sau khi kết thúc hợp đồng 297/18A2-02/02/VV10-AZ04. Do vậy, Công ty không phải trả số tiền phạt 30% hoặc trả lãi quá hạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên toà phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử phúc thẩm, thư ký Toà án và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng trực tiếp tại phiên toà, nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm giải quyết vụ kiện, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: A.Z kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Tại phiên tòa hôm nay, ông N.T.V. và bà V.T.N. là người đại diện theo ủy quyền của ô.V. được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt, do vậy hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: xét kháng cáo của A.Z:

Ngày 27/01/2010, A.Z (bên B) và ông N.T.V. (bên A) có ký hợp đồng vay vốn số 297/18A2-02/02/VV10-AZ04. Điều 1 hai bên thỏa thuận: Bên A đồng ý cho bên B vay số tiền là 275.000.0000 đồng; Mục đích sử dụng vốn vay: đầu tư phát triển dự án xây dựng công trình AZ V.C. Towers tại lô CT1 khu đô thị V.C., H.Đ., Hà Nội. Điều 2: Thời hạn vay 9 tháng. Thời hạn vay có thể được điều chỉnh.....nhưng không kéo dài quá 06 tháng tính từ ngày kết thúc thời hạn. Điều 4 thỏa thuận lãi suất 08%/ năm. Lãi

suất trên không thay đổi, được áp dụng trong suốt thời hạn vay. Ngoài ra hợp đồng còn thỏa thuận về quyền mua sản phẩm, thỏa thuận về trả nợ tiền vay.

Đến ngày 29/02/2012, ông N.T.V. và A.Z ký tiếp 01 bản Phụ lục hợp đồng về việc sửa đổi bổ sung một số nội dung của hợp đồng vay vốn số 297/18A2-02/02/VV10-AZ04 ký ngày 27/01/2010. Hai bên thỏa thuận và thống nhất gia hạn hợp đồng thêm một khoảng thời gian từ ngày 28/4/2011 đến ngày 31/12/2012. Theo đó số tiền nợ gốc mà ông N.T.V. cho A.Z vay là 302.500.000 đồng (bao gồm khoản vay gốc + lãi 8% tính trên khoản vay gốc, tính từ ngày ký kết hợp đồng vay vốn đến ngày ký kết Phụ lục Hợp đồng này); Thời hạn vay mới được tính bắt đầu từ ngày 28/4/2011 đến ngày 31/12/2012. Lãi suất 14%/1 năm, lãi suất trên là lãi suất không thay đổi được áp dụng trong suốt thời hạn vay. Sau khoảng thời gian 03 tháng tự động gia hạn nêu trên, nếu bên B vẫn không đáp ứng điều kiện và ký kết hợp đồng mua bán căn hộ, thì hai bên sẽ chấp dứt và thanh lý hợp đồng vay vốn và phụ lục hợp đồng này, đồng thời bên B có trách nhiệm hoàn trả lại toàn bộ cả gốc khoản vay mới và lãi vay tính theo lãi suất tại Điều 1.5 (14%/năm) nêu trên cho bên A với thời gian từ ngày ký phụ lục này cho đến khi bên B thanh toán cho bên A, cộng với khoản tiền phạt bằng 30% giá trị khoản vay mới. Tại Điều khoản chung hai bên thỏa thuận phụ lục hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày 28/4/2011.

Xét thấy: Tại thời điểm thỏa thuận ký kết Hợp đồng vay vốn vốn số 297/18A2-02/02/VV10-AZ04 ngày 27/01/2010 và đến ngày 29/02/2012 ký kết bản Phụ lục hợp đồng về việc sửa đổi bổ sung một số nội dung của Hợp đồng vay vốn số 297/18A2-02/02/VV10-AZ04 ngày 27/01/2010, các bên hoàn toàn tự nguyện, có đầy đủ năng lực tham gia giao dịch dân sự, mục đích, nội dung và hình thức của giao dịch trên theo đúng quy định của pháp luật căn cứ vào Điều 122 Bộ luật dân sự 2005, xác định Hợp đồng vay vốn số 297/18A2-02/02/VV10-AZ04 ngày 27/01/2010 và Phụ lục hợp đồng về việc sửa đổi bổ sung một số nội dung của Hợp đồng vay vốn số 297/18A2-02/02/VV10-AZ04 ký ngày 27/01/2010 giữa ông N.T.V. và Công ty CP bất động sản AZ là hợp pháp.

Về thời hạn của Hợp đồng và Phụ lục của hợp đồng: Hợp đồng vay vốn ký ngày 27/01/2010 thời hạn vay là 9 tháng đến ngày 27/10/2010 hết thời hạn. Tại khoản 2.2 Điều 2 của hợp đồng cúng quy định việc gia hạn được hai bên thỏa thuận...nhưng không kéo dài quá 06 tháng tức đến hết ngày 27/4/2011. Đến ngày 29/02/2012 hai bên ký bản Phụ lục hợp đồng về việc sửa đổi bổ sung một số nội dung của Hợp đồng vay vốn. Hai bên thỏa thuận và thống nhất gia hạn hợp đồng thêm một khoảng thời gian từ ngày 28/4/2011 (ngày hết hạn của hợp đồng vay vốn) đến ngày 31/12/2012 và tại Điều khoản chung hai bên thống nhất thỏa thuận phụ lục hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày 28/4/2011. Việc thỏa thuận này của các bên là hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp, do vậy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị đơn với nội dung: chỉ chấp nhận

trả nợ gốc 275.000.000 đồng và trả lãi trong thời hạn 9 tháng, kể từ ngày ký kết hợp đồng 27/01/2010 đến 27/10/2010 kết thúc hợp đồng 297/18A2-02/02/VV10-AZ04, còn bản Phụ lục hợp đồng về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Hợp đồng vay vốn số 297/18A2-02/02/VV10-AZ04 ngày 27/01/2010 vô hiệu, do các bên gia hạn sau gần 02 năm, sau khi kết thúc hợp đồng 297/18A2-02/02/VV10-AZ04 nên không phải trả lãi hoặc bị phạt như thỏa thuận của bản phụ lục này.

Tại phiên tòa sơ thẩm ô.V. và người đại diện theo ủy quyền chỉ đề nghị Công ty phải trả: Nợ gốc: 275.000.000 đồng; nợ lãi: 192.500.000 đồng; tiền phạt: 82.500.000 đồng. Phía bị đơn cũng nhất trí trả số tiền nợ gốc 275.000.000 đồng nhưng không nhất trí trả lãi và tiền phạt.

- Về tiền lãi: Tại hợp đồng vay vốn số 297/18A2-02/02/VV10-AZ04 ký kết ngày 27/01/2010, ông N.T.V. và A.Z đã thoả thuận lãi suất 08%/1 năm. Tại phụ lục hợp đồng vay vốn số 297/18A2-02/02/VV10-AZ04 sửa đổi một số nội dung trong hợp đồng, trong đó quy định lãi suất 14%/1 năm. Theo quy định tại Điều 476 Bộ luật dân sự 2005: Lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng. Theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam (quy định mức lãi suất cơ bản là 9%/năm, tương ứng với mức 150% lãi suất cơ bản là 13,5%/năm), do vậy việc các bên thỏa thuận lãi suất 14%/ năm là vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố.

Tuy nhiên tại phiên tòa sơ thẩm ô.V. và người đại diện theo ủy quyền yêu cầu Công ty trả lãi 192.500.000đ xác định cách tính lãi cụ thể như sau: Từ ngày ký hợp đồng vay là 27/01/2010 đến ngày 28/4/2011 với lãi suất thỏa thuận 8%/năm trên số tiền 275.000.000 đồng; từ ngày 28/4/2011 đến ngày 05/10/2018 là ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất cơ bản của ngân hàng là 8%/năm trên số tiền 275.000.000 đồng. Việc tự nguyện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi như trên là tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 476 Bộ luật dân sự 2005; Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 nên được chấp nhận là 8%/năm. Cụ thể số tiền lãi là:

+ 275.000.000 (x) 8% (:) 360 (x) 15 tháng (từ 27/01/2010 đến 28/04/2011)= 27.500.000 đồng.

+ 275.000.000 (x) 8% (:) 360 (x) 90 tháng (từ 28/4/2011 đến 05/10/2018) = 165.000.000 đồng.

Tổng số tiền lãi là 192.500.000đ.

- Về tiền phạt: Ô.V. yêu cầu Công ty CP bất động sản AZ thanh toán là 82.500.000 đồng: Căn cứ theo phụ lục hợp đồng vay vốn số 297/18A2-02/02/VV10-AZ04 ngày 29/2/2012 "khoản tiền phạt bằng 30% giá trị khoản vay mới'. Xét thấy thỏa thuận của hợp đồng vay vốn giữa ông N.T.V. và A.Z là hợp đồng dân sự vay tài sản. Tại khoản 5 Điều 474 Bộ luật dân sự 2005 quy định nghĩa vụ trả nợ của bên vay:

Trong trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi trên nợ gốc và lãi nợ quá hạn theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ. Đối với số tiền gốc chậm trả A.Z đã phải chịu lãi được tính theo đề nghị của nguyên đơn tại phiên tòa sơ thẩm. Việc các bên thỏa thuận trong phụ lục hợp đồng vay vốn số 297/18A2-02/02/VV10-AZ04 ngày 29/2/2012 "khoản tiền phạt bằng 30% giá trị khoản vay mới" là không phù hợp quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận khoản yêu cầu phạt vi phạm bằng 82.500.000 đồng này của ô.V. là không có căn cứ. Do vậy, không chấp nhận yêu cầu này của ô.V..

Nhận định của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên tòa không phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử.

Từ những phân tích trên, sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận C.G..

Do sửa án dân sự sơ thẩm nên A.Z không phải chịu án phí phúc thẩm

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 26, khoản 1 Điều 38, Điều 147, Điều 148, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 353, Điều 401, Điều 471, Điều 474, Điều 476 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Tuyên xử: Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 21/2018/DS - STcủa ngày 05/10/2018 của Tòa án nhân dân quận C.G., thành phố Hà Nội, cụ thể như sau:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông N.T.V. với A.Z.

1. Buộc A.Z phải thanh toán trả cho ông N.T.V. số tiền còn nợ là 467.500.000 đồng (Bốn trăm sáu mươi bảy triệu, năm trăm nghìn đồng), bao gồm: nợ gốc là 275.000.000 đồng; nợ lãi là 192.500.000 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông N.T.V. buộc A.Z phải thanh toán trả 82.500.000 đồng (Tám mươi hai triệu, năm trăm nghìn đồng) tiền phạt vi phạm hợp đồng.

3**.** Về án phí: A.Z phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 22.700.000 đồng.

- Ông N.T.V. phải nộp 4.125.000 đồng (Bốn triệu, một trăm hai lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, ô.V. đã nộp 15.372.000 đồng tạm ứng án phí dân sự theo biên lai số 005624 ngày 12/01/2018 tại Cục thi hành án dân sự quận C.G., thành phố Hà Nội. Được trả lại số tiền 11.247.000 đồng (Mười một triệu, hai trăm bốn mươi bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *VKSND TP Hà Nội;*
- *TAND quận C.G.;*
- *Chi cục THADS quận C.G.;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu văn phòng, hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Mai Tiến Dũng